

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 4 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Hoàng Đức Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 474/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã N, huyện Th, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 42 Phạm N, phường K, thành phố M, tỉnh Q; có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị L2; địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện Th, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 22 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L1 và chị Phạm Thị L2 kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Th, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 28 tháng

4 năm 2008. Quá trình chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Anh L1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị Phạm Thị L2.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn L1 và chị Phạm Thị L2 có ba con chung tên Nguyễn Chí Tường, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2008, Nguyễn Hà Phi, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2010 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2017. Sau khi vợ chồng sống ly thân chị L2 là người trực tiếp nuôi ba con chung. Khi ly hôn, anh L1 đề nghị chị L2 được tiếp tục nuôi ba con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh L1, chị L2 tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn L1 trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị L2 có nơi cư trú tại thôn 6, xã N, huyện Th, thành phố Hải Phòng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Phạm Thị L2 không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của anh Nguyễn Văn L1.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L1 và chị Phạm Thị L2. Giao ba con chung tên Nguyễn Chí Tường, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2008, Nguyễn Hà Phi, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2010 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2017 cho chị Phạm Thị L2 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung anh Nguyễn Văn L1 không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Anh Nguyễn Văn L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tài liệu xác minh thể hiện anh Nguyễn Văn L1 và chị Phạm Thị L2 có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khó có khả năng đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Phạm Thị L2 có nơi cư trú tại thôn 6, xã N, huyện Th, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L2 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L2 theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh L1 và chị L2 đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 28 tháng 4 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Th, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân L1 vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn L1 được ly hôn chị Phạm Thị L2.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn L1 và chị Phạm Thị L2 có ba con chung tên Nguyễn C, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2008, Nguyễn H, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2010 và Nguyễn N, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2017. Khi ly hôn anh L1 có nguyện vọng để chị L2 được trực tiếp nuôi ba con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Từ khi ly thân, chị L2 là người trực tiếp nuôi ba con chung; mặt khác, con chung tên Nguyễn C và Nguyễn H đều có nguyện vọng được ở với chị L2 nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao ba con chung cho chị Phạm Thị L2 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh L1 đề nghị để anh L1 và chị L2 tự thỏa thuận giao nhận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; mặt khác, chưa có lời khai của chị L2 về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L1 được ly hôn chị Phạm Thị L2.

2. Về con chung: Giao ba con chung tên Nguyễn C, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2008, Nguyễn H, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2010 và Nguyễn N, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2017 cho chị Phạm Thị L2 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007753 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Văn L1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị L2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- UBND xã N, huyện Th (Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 28 tháng 4 năm 2008);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý

